

HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 18 /QĐ-HĐGSNN

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Danh mục tạp chí khoa học được tính điểm năm 2020

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NHÀ NƯỚC

Căn cứ Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg ngày 31/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định tiêu chuẩn, thủ tục xét công nhận đạt tiêu chuẩn và bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư; thủ tục xét hủy bỏ công nhận chức danh và miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư;

Căn cứ Quyết định số 1814/QĐ-TTg ngày 24/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Hội đồng Giáo sư nhà nước nhiệm kỳ 2018-2023;

Căn cứ Thông tư số 04/2019/TT-BGDĐT ngày 28/3/2019 ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Giáo sư nhà nước, các Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành và Hội đồng Giáo sư cơ sở, được sửa đổi bổ sung một số điều tại Thông tư số 06/2020/TT-BGDĐT ngày 19/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2020/NQ-TTHĐGSNN ngày 30/6/2020 của Thường trực Hội đồng Giáo sư nhà nước nhiệm kỳ 2018-2023;

Căn cứ đề xuất của các Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành về Danh mục tạp chí khoa học được tính điểm năm 2020;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Hội đồng Giáo sư nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục tạp chí khoa học được tính điểm của 28 Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành năm 2020 (danh mục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Các Chủ tịch Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành, Chủ tịch Hội đồng Giáo sư cơ sở năm 2020, Chánh Văn phòng Hội đồng Giáo sư nhà nước, Thủ trưởng các cơ sở giáo dục đại học, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Các Phó Chủ tịch HĐGSNN (để phối hợp);
- Các HĐGS ngành, liên ngành (để thực hiện);
- Các HĐGS cơ sở (để thực hiện);
- Lưu: VP.



GS. TS. Châu Văn Minh



Kèm theo Quyết định số 18/2020/QĐ-HĐGSNN ngày 30 tháng 6 năm 2020

15. HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NGÀNH LUYỆN KIM

a) Các chuyên ngành (Specialization)

15.1. Vật liệu học (Materials Science)

15.2. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá và định tiêu chuẩn vật liệu kim loại (Testing Methods and Evaluation Criteria for Metallic Materials)

15.3. Điện hóa (Electrochemistry)

15.4. Kỹ thuật nhiệt trong luyện kim (Heat Engineering in Metallurgy)

15.5. Nhiệt luyện và xử lý bề mặt (Thermal Treatment and Surface Treatment)

15.6. Luyện kim đen (Ferrous Metallurgy)

15.7. Luyện kim màu và các kim loại quý hiếm (Non-ferrous Metallurgy, Metallurgy of Precious and Rare Metals)

15.8. Vật liệu tổ hợp nền kim loại (Metal Matrix Composite)

15.9. Luyện kim bột (Powder Metallurgy)

15.10. Công nghệ tạo hình vật liệu kim loại bằng biến dạng dẻo (Metal Forming Technology)

15.11. Kỹ thuật hàn (Welding Technology)

15.12. Công nghệ đúc (Casting Technology)

b) Danh mục tạp chí được tính điểm:

Số TT	Tên tạp chí	Chỉ số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm
1.	Các tạp chí khoa học Việt Nam và quốc tế		Tạp chí	SCI, SCIE (IF $\geq$ 2)	2,0 - 3,0*
				SCI, SCIE (IF $\leq$ 2)	0 - 2,0
				ESCI, Scopus	0 - 1,5
2.	Các tạp chí khoa học quốc tế khác (do HĐGS ngành quyết định từng trường hợp cụ thể)		Tạp chí	Tạp chí xuất bản online bằng tiếng Anh, có chỉ số ISSN, có hội đồng biên tập quốc tế; tạp chí trong chỉ mục ACI	0 - 1,25
3.	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc tế		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, có chỉ số ISBN	0 - 1,25
4.	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc gia		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, từ năm 2017 phải có chỉ số ISBN	0 - 1,0

Kèm theo Quyết định số 18/2020/QĐ-HĐGSNN ngày 30 tháng 6 năm 2020

5.	Hoá học (<i>Vietnam Journal of Chemistry</i>)	0866-7144	Tạp chí	Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam	0 – 1,0
6.	Cơ học (<i>Vietnam Journal of Mechanics</i>)	0866-7136	Tạp chí	Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam	0 – 1,0
7.	Communications in Physics Từ 2019 (Asean Citation Index)	0868-3166	Tạp chí	Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam	0 – 1,0 0 - 1,25 từ 2019
8.	Khoa học kỹ thuật (1993 – 2018): Khoa học và Công nghệ-Vietnam Journal of Science and Technology (since 2018, Asean Citation Index)	0866-708X 0866-708X 2525-2518	Tạp chí	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 – 1,0 0 – 1,25 từ 2018
9.	Khoa học và Công nghệ các trường đại học kỹ thuật	2354-1083	Tạp chí	Trường ĐHBKHN; ĐH Đà Nẵng; Trường ĐH KTCN – ĐH Thái Nguyên; Trường ĐHBK TP. HCM; Trường ĐH SPKT TP. HCM; Học viện CNBCVT	0 – 1,0
10.	Khoa học – Công nghệ Kim loại	1859-4344	Tạp chí	Hội KHKT Đúc và Luyện kim Việt Nam	0 – 1,0 0 – 0,75 từ 2020
11.	Khoa học và Công nghệ Việt Nam (bản B-tiếng Việt)	1859-4794	Tạp chí	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 – 0,75 từ 2019
12.	Vietnam Journal of Science, Technology and Engineering (part C)	2525-2461	Tạp chí	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 – 1,25 từ 2019
13.	Phát triển Khoa học và Công nghệ	1859-0128	Tạp chí	Đại học Quốc gia TP. HCM	0 – 0,5 từ 2017 0 – 1,0 từ 2019
14.	Khoa học (Journal of Science)	0866-8612	Tạp chí	Đại học Quốc gia Hà Nội	0 – 0,5 từ 2017 0 – 1,0 từ 2019
15.	Khoa học ĐH Huế: Kỹ thuật và công nghệ	1859-1388	Tạp chí	Đại học Huế	0 – 0,5
16.	Khoa học và Công nghệ	1859-1531	Tạp chí	Đại học Đà Nẵng	0 – 0,5
17.	Khoa học và Công nghệ	1859-2171	Tạp chí	Đại học Thái Nguyên	0 – 0,5
18.	Khoa học và kỹ thuật	1859-0209	Tạp chí	Học viện Kỹ thuật quân sự	0 – 0,5

Kèm theo Quyết định số 18 /2020/QĐ-HĐGSNN ngày 30 tháng 6 năm 2020

19.	Khoa học và Công nghệ	1859-2996	Tạp chí	Trường ĐH Xây dựng	0 – 0,5
20.	Khoa học – công nghệ Hàng Hải	1859-316X	Tạp chí	Trường ĐH Hàng Hải	0 – 0,5
21.	Khoa học Giao thông vận tải	1859-2724	Tạp chí	Trường ĐH G.thôngvận tải	0 – 0,5
22.	Khoa học công nghệ xây dựng	1859-1566	Tạp chí	Viện Khoa học Công nghệ xây dựng	0 – 0,5
23.	Kỹ thuật và trang bị	1859-249X	Tạp chí	Tổng cục Công nghiệp quốc phòng	0 – 0,5
24.	Khoa học và Phát triển	1859-0004	Tạp chí	HV Nông nghiệp Việt Nam	0 – 0,5
25.	Nghiên cứu Khoa học và Công nghệ quân sự	1859-1043	Tạp chí	Viện Khoa học và công nghệ quân sự	0 – 0,5
26.	Hoá học & ứng dụng	0866-7004	Tạp chí	Hội Hoá học Việt Nam	0 – 0,5 0 – 0,25 từ 2020
27.	Năng lượng nhiệt (Tên cũ: Khoa học và Công nghệ Nhiệt)	0868-3336	Tạp chí	Hội Khoa học và kỹ thuật Nhiệt Việt Nam	0 – 0,5 0 – 0,25 từ 2020
28.	Cơ khí Việt Nam	0866-7056	Tạp chí	Tổng Hội Cơ khí Việt Nam	0 – 0,5 0 – 0,25 từ 2020

c) Danh mục nhà xuất bản có uy tín

- **Nhà xuất bản ngoài nước có uy tín:** Các nhà xuất bản do Web of Sciene (Clarivate Analytics) công bố năm 2020 (<http://wokinfo.com/mbl/publishers/>)

- **Nhà xuất bản trong nước có uy tín**

- + Khoa học và Kỹ thuật – Bộ Khoa học và Công nghệ;
- + Khoa học tự nhiên và Công nghệ - Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;
- + Bách Khoa Hà Nội- Đại học Bách Khoa Hà Nội;
- + Đại Học Quốc Gia Hà Nội;
- + Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

PHỤ LỤC

Danh mục Tạp chí quốc tế có uy tín và có uy tín vượt trội

1. Danh mục tạp chí Quốc tế có uy tín: Bao gồm các tạp chí thuộc nhóm Q1, Q2, Q3 và Q4 của danh mục SCIE do Web of Science (Clarivate Analytics) công bố vào tháng 6 năm 2019.

Tổng số tạp chí: 391 (Q1:90, Q2: 100, Q3: 100, Q4:101)

Nº	Full Journal Title	ISSN	Total Cites	Journal Impact Factor	Eigenfactor Score
Q1					
1	Nature Reviews Materials	2058-8437	7.901	74,449	0,03387
2	Nature Energy	2058-7546	11.113	54,000	0,04063
3	Nature Materials	1476-1122	97.792	38,887	0,17738
4	Nature Nanotechnology	1748-3387	63.245	33,407	0,15496
5	Advanced Materials	0935-9648	229.186	25,809	0,40939
6	Advanced Energy Materials	1614-6832	50.724	25,809	0,12060
7	Materials Today	1369-7021	12.566	24,372	0,01883
8	Progress in Materials Science	0079-6425	14.580	23,725	0,01682
9	Materials Science & Engineering R-Reports	0927-796X	7.206	22,250	0,00625
10	International Materials Reviews	0950-6608	5.262	21,086	0,00496
11	Annual Review of Materials Research	1531-7331	8.086	16,816	0,00783
12	Nano Today	1748-0132	7.980	16,582	0,01295
13	Advanced Science	2198-3844	8.129	15,804	0,02103
14	Advanced Functional Materials	1616-301X	95.431	15,621	0,17597
15	Nano Energy	2211-2855	3.7106	15,548	0,08725
16	Surface Science Reports	0167-5729	4.655	14,824	0,00247
17	Materials Horizons	2051-6347	4.587	14,356	0,01371
18	Applied Catalysis B-Environmental	0926-3373	74.797	14,229	0,09229
19	ACS Nano	1936-0851	152.659	13,903	0,32571
20	Nano Letters	1530-6984	163.570	12,279	0,30062
21	ACS Catalysis	2155-5435	55.465	12,221	0,14081
22	Small	1613-6810	49.968	10,856	0,09145
23	Journal of Materials Chemistry A	2050-7488	126.338	10,733	0,29519
24	Biomaterials	0142-9612	109.384	10,273	0,10216
25	Chemistry of Materials	0897-4756	106.568	10,159	0,15026
26	Green Chemistry	1463-9262	41.125	9,405	0,06544
27	Nanoscale Horizons	2055-6756	888	9,095	0,00234
28	Nano-Micro Letters	2311-6706	2.209	9,043	0,00359

Kèm theo Quyết định số 18 /2020/QĐ-HĐGSNN ngày 30 tháng 6 năm 2020

29	Nano Research	1998-0124	16.517	8,515	0,03181
30	ACS Applied Materials & Interfaces	1944-8244	170.096	8,456	0,36636
31	Current Opinion in Solid State & Materials Science	1359-0286	3.955	8,418	0,00470
32	Advances in Colloid and Interface Science	0001-8686	14.094	8,243	0,01397
33	NPG Asia Materials	1884-4049	4.387	8,052	0,01109
34	Applied Materials Today	2352-9407	1.608	8,013	0,00347
35	ChemSusChem	1864-5631	24.207	7,804	0,04566
36	Journal of Catalysis	0021-9517	47.618	7,723	0,03318
37	Journal of Power Sources	0378-7753	116.432	7,467	0,13451
38	Carbon	0008-6223	74.892	7,466	0,08522
39	Materials Research Letters	2166-3831	1.564	7,440	0,00523
40	2D Materials	2053-1583	5.487	7,343	0,02281
41	Journal of Physical Chemistry Letters	1948-7185	45.404	7,329	0,12434
42	Acta Materialia	1359-6454	73.990	7,293	0,09091
43	Nanoscale	2040-3364	92.732	6,970	0,20804
44	Journal of Materials Chemistry C	2050-7526	40.067	6,641	0,09744
45	Acta Biomaterialia	1742-7061	34.157	6,638	0,05015
46	Sensors and Actuators B-Chemical	0925-4005	82.189	6,393	0,08897
47	Corrosion Science	0010-938X	37.952	6,355	0,02872
48	Composites Science and Technology	0266-3538	33.219	6,309	0,02275
49	Composites Part A-Applied Science and Manufacturing	1359-835X	23.757	6,282	0,02226
50	International Journal of Plasticity	0749-6419	11.299	5,800	0,01367
51	Cement and Concrete Research	0008-8846	34.278	5,618	0,01625
52	Advanced Synthesis & Catalysis	1615-4150	24.026	5,451	0,03370
53	Advanced Materials Technologies	2365-709X	1.429	5,395	0,00338
54	Electrochimica Acta	0013-4686	103.577	5,383	0,12059
55	Biomaterials Science	2047-4830	4.345	5,251	0,01084
56	Cement & Concrete Composites	0958-9465	14.951	5,172	0,01436
57	Applied Surface Science	0169-4332	92.186	5,155	0,10890
58	Journal of Materials Chemistry B	2050-750X	21.758	5,047	0,05079
59	Journal of Materials Science & Technology	1005-0302	6.753	5,040	0,00908
60	Journal of Sandwich Structures & Materials	1099-6362	1.243	5,015	0,00200
61	Materials Science & Engineering C-Materials for Biological Applications	0928-4931	29.043	4,959	0,04621

Kèm theo Quyết định số 18 /2020/QĐ-HĐGSNN ngày 30 tháng 6 năm 2020

62	Composite Structures	0263-8223	35.620	4,829	0,04971
63	IUCrJ	2052-2525	1.363	4,756	0,00643
64	MRS Bulletin	0883-7694	7.862	4,655	0,01025
65	Scripta Materialia	1359-6462	33.032	4,539	0,03368
66	Journal of Magnesium and Alloys	2213-9567	952	4,523	0,00236
67	ACS Biomaterials Science & Engineering	2373-9878	3.803	4,511	0,00948
68	APL Materials	2166-532X	4.061	4,296	0,01477
69	Particle & Particle Systems Characterization	0934-0866	3.379	4,194	0,00639
70	Journal of Materials Processing Technology	0924-0136	33.606	4,178	0,02113
71	Journal of Alloys and Compounds	0925-8388	102.817	4,175	0,13176
72	Crystal Growth & Design	1528-7483	29.940	4,153	0,03786
73	Materials Science and Engineering A-Structural Materials Properties Microstructure and Processing	0921-5093	79.492	4,081	0,06581
74	Extreme Mechanics Letters	2352-4316	1.439	4,075	0,00589
75	Nanomaterials	2079-4991	4.955	4,034	0,00839
76	Journal of the European Ceramic Society	0955-2219	25.790	4,029	0,02288
77	Communication In Nonlinear Science and Numerical Simulation	1007-5704	11.888	3,967	0,01950
78	Steel and Composite Structures	1229-9367	3.566	3,899	0,00462
79	International Journal of Fatigue	0142-1123	13.715	3,673	0,01432
80	Hydrometallurgy	0304-386X	11.776	3,465	0,00814
81	Ceramics International	0272-8842	46.425	3,450	0,06493
82	Intermetallics	0966-9795	10.599	3,353	0,01041
83	Journal of Materials Research and Technology (JMR&T)	2238-7854	1.327	3,327	0,00242
84	Materials Characterization	1044-5803	11.421	3,220	0,01614
85	Journal of the Electrochemical Society	0013-4651	71.747	3,120	0,05438
86	Journal of the American Ceramic Society	0002-7820	44.781	3,094	0,02553
87	Materials Letters	0167-577X	46.192	3,019	0,04907
88	Mechanics of Materials	0167-6636	7.353	2,958	0,00825
89	Journal of Thermal Stresses	0149-5739	2.475	2,943	0,00231
90	Engineering Fracture Mechanics	0013-7944	15.598	2,908	0,01368
Q2					
Nº	Full Journal Title	ISSN	Total Cites	Journal Impact Factor	Eigenfactor Score

Kèm theo Quyết định số 18 /2020/QĐ-HĐGSNN ngày 30 tháng 6 năm 2020

1	Biofabrication	1758-5082	3.599	7,236	0,00668
2	ACS Sustainable Chemistry & Engineering	2168-0485	24.768	6,970	0,04877
3	Advanced Healthcare Materials	2192-2640	9.022	6,270	0,02329
4	Energy	0360-5442	64.992	5,537	0,08919
5	Chemistry-A European Journal	0947-6539	98.677	5,160	0,16564
6	Advanced Materials Interfaces	2196-7350	6.238	4,713	0,01651
7	Bioelectrochemistry	1567-5394	4.476	4,474	0,00405
8	Artificial Cells Nanomedicine and Biotechnology	2169-1401	3.209	4,462	0,00303
9	Dental Materials	0109-5641	14.193	4,440	0,01322
10	Electrochemistry Communications	1388-2481	21.029	4,197	0,01768
11	Microporous and Mesoporous Materials	1387-1811	25.303	4,182	0,02418
12	International Journal of Hydrogen Energy	0360-3199	81.043	4,084	0,08570
13	ChemElectroChem	2196-0216	5.658	3,975	0,01362
14	Colloids and Surfaces B-Biointerfaces	0927-7765	28.072	3,973	0,03376
15	Applied Clay Science	0169-1317	15.784	3,890	0,01485
16	Journal of the Taiwan Institute of Chemical Engineers	1876-1070	8.785	3,834	0,01458
17	Physical Review B	2469-9950	371.919	3,736	0,36338
18	Physica Status Solidi-Rapid Research Letters	1862-6254	3.346	3,729	0,00810
19	Langmuir	0743-7463	117.927	3,683	0,09601
20	European Cells & Materials	1473-2262	3.184	3,682	0,00362
21	Smart Materials and Structures	0964-1726	19.870	3,543	0,02515
22	Materials Science and Engineering B-Advanced Functional Solid-State Materials	0921-5107	10.565	3,507	0,00569
23	Organic Electronics	1566-1199	12.429	3,495	0,01864
24	Journal of the Mechanical Behavior of Biomedical Materials	1751-6161	9.407	3,485	0,01921
25	Journal of Manufacturing Processes	1526-6125	3.279	3,462	0,00558
26	Journal of Materials Science	0022-2461	50.817	3,442	0,03462
27	Biomedical Materials	1748-6041	3.514	3,440	0,00431
28	Progress in Organic Coatings	0300-9440	10.828	3,420	0,00901
29	Nanotechnology	0957-4484	43.992	3,399	0,04816
30	Soft Matter	1744-683X	36.016	3,399	0,06660
31	Regenerative Biomaterials	2056-3418	501	3,382	0,00120
32	ChemNanoMat	2199-692X	1.249	3,379	0,00331
33	Materials Research Bulletin	0025-5408	21.620	3,355	0,01826

Kèm theo Quyết định số 18 /2020/QĐ-HĐGSNN ngày 30 tháng 6 năm 2020

34	Nano Convergence	2196-5404	461	3,324	0,00122
35	Progress in Natural Science-Materials International	1002-0071	4.119	3,310	0,00427
36	Arabian Journal of Chemistry	1878-5352	6.620	3,298	0,01010
37	3D Printing and Additive Manufacturing	2329-7662	505	3,259	0,00128
38	Journal of Biomedical Materials Research Part A	1549-3296	17.201	3,221	0,01570
39	Journal of Electroanalytical Chemistry	1572-6657	26.267	3,218	0,01654
40	Surface & Coatings Technology	1754-0925	41.783	3,192	0,03349
41	Nanoscale Research Letters	1931-7573	16.143	3,159	0,02339
42	New Journal of Chemistry	1144-0546	24.939	3,069	0,03472
43	Results in Physics	2211-3797	3.539	3,042	0,00465
44	Macromolecular Materials and Engineering	1438-7492	5.400	3,038	0,00518
45	RSC Advances	2046-2069	150.253	3,031	0,06137
46	Materials	1996-1944	18.764	2,972	0,03094
47	Physical Review Materials	2475-9953	1.584	2,926	0,00475
48	Plasmonics	1557-1955	3.701	2,926	0,00618
49	Advanced Engineering Materials	1438-1656	8.426	2,906	0,00914
50	Geosynthetics International	1072-6349	1.519	2,890	0,00173
51	International Journal of Fracture	0376-9429	7.329	2,884	0,00488
52	Mechanics of Advanced Materials and Structures	1537-6494	1.856	2,873	0,00289
53	Synthetic Metals	0379-6779	13.769	2,870	0,00889
54	Rapid Prototyping Journal	1355-2546	4.335	2,801	0,00345
55	International Journal of Refractory Metals & Hard Materials	0263-4368	6.419	2,794	0,00708
56	Materials Chemistry and Physics	0254-0584	27.209	2,781	0,02007
57	Nanotechnology Reviews	2191-9089	547	2,759	0,00109
58	Materials Science in Semiconductor Processing	1369-8001	7.465	2,722	0,01231
59	Molecular Systems Design & Engineering	2058-9689	333	2,708	0,00099
60	Electroanalysis	1040-0397	11.392	2,691	0,00879
61	Frontiers in Materials	2296-8016	520	2,689	0,00153
62	Journal of Magnetism and Magnetic Materials	0304-8853	36.072	2,683	0,02983
63	Microscopy and Microanalysis	1431-9276	3.877	2,673	0,00807
64	Semiconductor Science and Technology	0268-1242	8.188	2,654	0,01014
65	Calphad-Computer Coupling of Phase Diagrams and Thermochemistry	0364-5916	3.759	2,652	0,00292
66	Computational Materials Science	0927-0256	21.210	2,644	0,02590

Kèm theo Quyết định số 18 /2020/QĐ-HĐGSNN ngày 30 tháng 6 năm 2020

67	Advances in Concrete Construction	2287-5301	178	2,618	0,00026
68	Journal of Composites for Construction	1090-0268	4.974	2,606	0,00544
69	Journal of Non-Crystalline Solids	0022-3093	25.962	2,600	0,01237
70	Journal of Intelligent Material Systems and Structures	1045-389X	7.259	2,582	0,00719
71	Fatigue & Fracture of Engineering Materials & Structures	8756-758X	4.738	2,555	0,00385
72	ACS Omega	2470-1343	3.901	2,584	0,00818
73	Journal of Nuclear Materials	0022-3115	30.454	2,547	0,03170
74	Corrosion Reviews	0334-6005	480	2,528	0,00070
75	International Journal of Adhesion and Adhesives	0143-7496	5.403	2,501	0,00499
76	Journal of Experimental Nanoscience	1745-8080	1.133	2,482	0,00156
77	International Journal for Numerical and Analytical Methods in Geomechanics	0363-9061	5.651	2,481	0,00678
78	Journal of Asian Ceramic Societies	2187-0764	829	2,395	0,00181
79	Science and Technology of Welding and Joining	1362-1718	3.712	2,358	0,00299
80	International Journal of Damage Mechanics	1056-7895	1.326	2,342	0,00170
81	Transactions of Nonferrous Metals Society of China	1003-6326	10.082	2,338	0,01100
82	Surface Innovations	2050-6252	312	2,333	0,00058
83	Coatings	2079-6412	1.400	2,330	0,00203
84	JOM	1047-4838	8.860	2,305	0,01274
85	Journal of Advanced Ceramics	2226-4108	640	2,300	0,00116
86	IEEE Transactions on Nanotechnology	1536-125X	3.531	2,292	0,00484
87	Diamond and Related Materials	0925-9635	8.081	2,290	0,00564
88	Gold Bulletin	2364-821X	1.204	2,279	0,00059
89	Polymer Composites	0272-8397	8.565	2,268	0,00716
90	Metals	2075-4701	3.234	2,259	0,00521
91	Surface Engineering	0267-0844	2.258	2,229	0,00240
92	Engineering Failure Analysis	1350-6307	6.069	2,203	0,00858
93	Granular Matter	1434-5021	2.196	2,145	0,00412
94	Composite Interfaces	0927-6440	1.212	2,025	0,00101
95	Journal of Nanoparticle Research	1388-0764	13.067	2,009	0,01339
96	Mechanics Based Design of Structures and Machines	1539-7734	580	1,986	0,00072
97	Metallurgical and Materials Transactions A-Physical Metallurgy and Materials Science	1073-5623	29.084	1,985	0,02049

Kèm theo Quyết định số 18 /2020/QĐ-HĐGSNN ngày 30 tháng 6 năm 2020

98	Journal of Electroceramics	1385-3449	2.799	1,966	0,00131
99	Metals and Materials International	1598-9623	2.127	1,647	0,00306
100	Journal of Materials Engineering and Performance	1059-9495	7.975	1,476	0,01121
Q3					
Nº	Full Journal Title	ISSN	Total Cites	Journal Impact Factor	Eigenfactor Score
1.	Bioinspiration & Biomimetics	1748-3182	2.648	3,130	0,00574
2.	Macromolecular Bioscience	1616-5187	6.764	2,895	0,00675
3.	Aerospace Science and Technology	1270-9638	6.609	2,829	0,00500
4.	Journal of Saudi Chemical Society	1319-6103	2.664	2,759	0,00365
5.	Journal of Biomedical Materials Research Part B-Applied Biomaterials	1552-4973	8.703	2,674	0,00775
6.	Journal of Solid State Electrochemistry	1432-8488	8.589	2,531	0,00911
7.	Physica A: Statistical Mechanics and its Applications	0378-4371	28.062	2,500	0,02500
8.	Journal of Thermal Analysis and Calorimetry	1388-6150	17.550	2,471	0,01300
9.	Journal of Materials Science-Materials in Medicine	0957-4530	10.868	2,467	0,00782
10.	Journal of Bionic Engineering	1672-6529	1.391	2,463	0,00177
11.	Journal of Biomaterials Applications	0885-3282	2.409	2,442	0,00340
12.	Journal of Applied Electrochemistry	0021-891X	8.482	2,366	0,00330
13.	Electrocatalysis	1868-2529	904	2,311	0,00158
14.	Beilstein Journal of Nanotechnology	2190-4286	4.022	2,269	0,00893
15.	International Journal of Polymeric Materials and Polymeric Biomaterials	0091-4037	1.658	2,263	0,00184
16.	Experimental Mechanics	0014-4851	5.373	2,256	0,00605
17.	Journal of Nanomaterials	1687-4110	9.024	2,233	0,01463
18.	Applied Sciences-Basel	2076-3417	5.955	2,217	0,00889
19.	Journal of Materials Science-Materials in Electronics	0957-4522	17.675	2,195	0,02235
20.	Science China-Technological Sciences	1674-7321	3.722	2,180	0,00639
21.	Physica Scripta	0031-8949	9.345	2,151	0,01401
22.	Journal of Biomaterials Science-Polymer Edition	0920-5063	4.262	2,121	0,00283

Kèm theo Quyết định số 18 /2020/QĐ-HĐGSNN ngày 30 tháng 6 năm 2020

23.	International Journal of Concrete Structures and Materials	1976-0485	695	2,111	0,00124
24.	Advances in Nano Research	2287-237X	193	2,109	0,00027
25.	Crystals	2073-4352	1.829	2,061	0,00366
26.	Magazine of Concrete Research	0024-9831	3.242	2,026	0,00261
27.	Journal of Sol-Gel Science and Technology	0928-0707	6.767	1,986	0,00549
28.	Journal of Materials Research	0884-2914	16.212	1,982	0,01158
29.	Metallurgical and Materials Transactions B-Process Metallurgy and Materials Processing Science	1073-5615	8.885	1,952	0,00795
30.	Journal of Porous Materials	1380-2224	2.851	1,947	0,00306
31.	Materials Science and Technology	0267-0836	7.422	1,938	0,00680
32.	Journal of Elasticity	0374-3535	2.340	1,906	0,00249
33.	Thin Solid Films	0040-6090	39.892	1,888	0,02204
34.	Materiales De Construcción	0465-2746	825	1,886	0,00082
35.	Electronic Materials Letters	1738-8090	1.271	1,881	0,00219
36.	Colloid and Interface Science Communications	2215-0382	265	1,870	0,00051
37.	Corrosion	0010-9312	5.846	1,865	0,00334
38.	Philosophical Magazine	1478-6435	14.052	1,855	0,00816
39.	International Journal of Applied Glass Science	2041-1286	813	1,845	0,00150
40.	Mechanics of Time-Dependent Materials	1385-2000	741	1,831	0,00093
41.	Acta Metallurgica Sinica-English Letters	1006-7191	1.616	1,828	0,00286
42.	Reviews on Advanced Materials Science	1606-5131	1.657	1,828	0,00187
43.	Modelling and Simulation in Materials Science and Engineering	0965-0393	5.015	1,826	0,00589
44.	Materials Technology	1066-7857	1.150	1,820	0,00158
45.	Carbon Letters	1976-4251	655	1,807	0,00082
46.	Oxidation of Metals	0030-770X	3.265	1,805	0,00280
47.	Mathematics and Mechanics of Solids	1081-2865	1.167	1,791	0,00269
48.	Journal of Reinforced Plastics and Composites	0731-6844	4.544	1,786	0,00336
49.	Rare Metals	1001-0521	1.869	1,785	0,00208
50.	Applied Physics A-Materials Science & Processing	0947-8396	17.393	1,784	0,01690
51.	International Journal of Material Forming	1960-6206	1.243	1,750	0,00130
52.	Journal of Plastic Film & Sheeting	8756-0879	392	1,714	0,00025

Kèm theo Quyết định số 18 /2020/QĐ-HĐGSNN ngày 30 tháng 6 năm 2020

53.	Journal of Electronic Materials	0361-5235	11.282	1,676	0,01247
54.	Journal of Energetic Materials	0737-0652	706	1,649	0,00080
55.	Mineral Processing and Extractive Metallurgy Review	0882-7508	807	1,615	0,00088
56.	Nanomaterials and Nanotechnology	1847-9804	391	1,600	0,00076
57.	Current Nanoscience	1573-4137	1.195	1,586	0,00122
58.	Journal of Coatings Technology and Research	1547-0091	1.604	1,584	0,00199
59.	AIP Advances	2158-3226	9.500	1,579	0,02544
60.	Ironmaking & Steelmaking	0301-9233	2.179	1,578	0,00189
61.	Journal of Crystal Growth	0022-0248	24.723	1,573	0,01464
62.	Applied Composite Materials	0929-189X	1.506	1,556	0,00160
63.	KONA Powder and Particle Journal	0288-4534	491	1,553	0,00060
64.	Materials at High Temperatures	0960-3409	967	1,545	0,00144
65.	Steel Research International	1611-3683	2.662	1,522	0,00371
66.	Journal of Electrochemical Energy Conversion and Storage	2381-6872	132	1,515	0,00027
67.	Acta Mechanica Solida Sinica	0894-9166	1.110	1,508	0,00139
68.	Soldering & Surface Mount Technology	0954-0911	346	1,500	0,00021
69.	Journal of Porous Media	1091-028X	782	1,490	0,00093
70.	Japanese Journal of Applied Physics	0021-4922	16.182	1,471	0,02103
71.	Materials Express	2158-5849	716	1,465	0,00117
72.	Materials and Corrosion-Werkstoffe Und Korrosion	0947-5117	2.475	1,458	0,00233
73.	ACI Materials Journal	0889-325X	5.560	1,453	0,00220
74.	Materials Research Express	2053-1591	4.292	1,449	0,00791
75.	Advances in Applied Ceramics	1743-6753	1.055	1,429	0,00122
76.	ISIJ International	0915-1559	12.063	1,427	0,00816
77.	Journal of Phase Equilibria and Diffusion	1547-7037	2.693	1,421	0,00120
78.	Fullerenes Nanotubes and Carbon Nanostructures	1536-383X	997	1,411	0,00117
79.	Corrosion Engineering Science and Technology	1478-422X	862	1,393	0,00124
80.	Advanced Composite Materials	0924-3046	676	1,393	0,00067
81.	Journal of Iron and Steel Research International	1006-706X	2.353	1,382	0,00288
82.	Journal of Engineering Materials and Technology-Transactions of the ASME	0094-4289	3.162	1,354	0,00092

Kèm theo Quyết định số 18 /2020/QĐ-HĐGSNN ngày 30 tháng 6 năm 2020

83.	Journal of Thermoplastic Composite Materials	0892-7057	1.496	1,343	0,00136
84.	Welding Journal	0043-2296	3.316	1,340	0,00116
85.	Surface and Interface Analysis	0142-2421	7.537	1,319	0,00430
86.	Chemical Papers	2585-7290	2.076	1,246	0,00245
87.	Welding in the World	0043-2288	1.304	1,278	0,00199
88.	International Journal of Minerals Metallurgy and Materials	1674-4799	1.783	1,221	0,00272
89.	Plastics Rubber and Composites	1465-8011	851	1,202	0,00059
90.	Transactions of the Indian Institute of Metals	0972-2815	1.645	1,176	0,00220
91.	Physics of Metals and Metallography	0031-918X	2.246	1,169	0,00136
92.	Powder Metallurgy	0032-5899	1.222	1,149	0,00096
93.	Philosophical Magazine Letters	0950-0839	1.888	1,117	0,00166
94.	Journal of the Ceramic Society of Japan	1882-0743	2.700	1,108	0,00239
95.	International Journal of Applied Ceramic Technology	1546-542X	2.297	1,074	0,00245
96.	International Journal of Metalcasting	1939-5981	350	1,033	0,00044
97.	International Journal of Modern Physics C	0129-1831	2.109	1,017	0,00197
98.	Transactions of the Indian Ceramic Society	0371-750X	318	1,014	0,00029
99.	Frontiers of Mechanical Engineering	2095-0233	625	0,989	0,00109
100.	International Journal of Cast Metals Research	1364-0461	874	0,978	0,00064

Q4

Nº	Full Journal Title	ISSN	Total Cites	Journal Impact Factor	Eigenfactor Score
1.	Instrumentation Science & Technology	1073-9149	481	1,118	0,00058
2.	Processing and Application of Ceramics	1820-6131	334	0,976	0,00041
3.	Journal of Central South University	2095-2899	3.467	0,973	0,00449
4.	Canadian Metallurgical Quarterly	0008-4433	1.315	0,912	0,00100
5.	Science of Sintering	0350-820X	497	0,885	0,00025
6.	Journal of Mining and Metallurgy Section B-Metallurgy	1450-5339	315	0,859	0,00037
7.	International Journal of Materials Research	1862-5282	1.554	0,851	0,00147
8.	Journal of Ceramic Science and Technology	2190-9385	295	0,826	0,00070
9.	Protection of Metals and Physical Chemistry of Surfaces	2070-2051	764	0,787	0,00082
10.	Minerals & Metallurgical Processing	1073-5615	511	0,784	0,00033

Kèm theo Quyết định số 18 /2020/QĐ-HĐGSNN ngày 30 tháng 6 năm 2020

11.	Materials Transactions	1345-9678	9.252	0,764	0,00432
12.	Acta Metallurgica Sinica	0412-1961	2.040	0,758	0,00169
13.	China Foundry	1672-6421	392	0,733	0,00042
14.	Archives of Metallurgy and Materials	1733-3490	1.760	0,697	0,00212
15.	Metallurgical Research & Technology	2271-3646	181	0,641	0,00038
16.	Anti-Corrosion Methods and Materials	0003-5599	609	0,614	0,00029
17.	Revista De Metalurgia	0034-8570	311	0,540	0,00013
18.	International Journal of Powder Metallurgy	0888-7462	309	0,500	0,00009
19.	Russian Journal of Non-Ferrous Metals	1067-8212	358	0,497	0,00051
20.	Journal of the Southern African Institute of Mining and Metallurgy	2225-6253	1.614	0,467	0,00092
21.	Metallurgia Italiana	0026-0843	284	0,452	0,00036
22.	Tetsu to Hagane-Journal of the Iron and Steel Institute of Japan	0021-1575	2.027	0,423	0,00089
23.	Praktische Metallographie-Practical Metallography	0032-678X	182	0,398	0,00024
24.	Rare Metal Materials and Engineering	1002-185X	3.050	0,381	0,00244
25.	Metal Science and Heat Treatment	0026-0673	1.081	0,379	0,00059
26.	Journal of the Japan Institute of Metals	0021-4876	1.015	0,360	0,00039
27.	Soldagem & Inspecao	0104-9224	167	0,329	0,00013
28.	Metallurgist	0026-0894	468	0,294	0,00042
29.	Electrochemistry	1344-3542	1.242	1,293	0,00150
30.	International Journal of Electrochemical Science	1452-3981	10.738	1,284	0,01108
31.	Russian Journal of Electrochemistry	1023-1935	1.887	1,043	0,00136
32.	Transactions of the Institute of Metal Finishing	0020-2967	634	0,806	0,00049
33.	Journal of Electrochemical Science and Technology	2093-8551	131	0,759	0,00023
34.	Journal of New Materials for Electrochemical Systems	1480-2422	408	0,400	0,00015
35.	International Journal of Nonlinear Sciences and Numerical Simulation	1565-1339	239	0,918	0,00022
36.	Experimental Techniques	0732-8818	806	0,779	0,00105
37.	Mechanics of Composite Materials	0191-5665	1.440	0,703	0,00059
38.	Mechanics of Solids	0025-6544	625	0,418	0,00052
39.	Biointerphases	1934-8630	1.731	2,009	0,00249
40.	Journal of Bioactive and Compatible Polymers	0883-9115	1.057	1,976	0,00083
41.	Dental Materials Journal	0287-4547	2.560	1,424	0,00270

Kèm theo Quyết định số 18 /2020/QĐ-HĐGSNN ngày 30 tháng 6 năm 2020

42.	Journal of Applied Biomaterials & Functional Materials	2280-8000	408	1,403	0,00082
43.	Materiale Plastiche	2668-8220	1.023	1,393	0,00056
44.	Functional Materials Letters	1793-6047	766	1,388	0,00102
45.	New Carbon Materials	1007-8827	995	1,387	0,00096
46.	Advances in Cement Research	0951-7197	1.099	1,355	0,00106
47.	Journal of Advanced Concrete Technology	1346-8014	1.443	1,336	0,00101
48.	Nano	1793-2920	1.062	1,293	0,00132
49.	ACI Structural Journal	0889-3241	6.117	1,287	0,00353
50.	Bulletin of Materials Science	0250-4707	4.204	1,264	0,00275
51.	Atomization and Sprays	1044-5110	1.410	1,262	0,00133
52.	Silicon	1876-990X	639	1,210	0,00066
53.	Science of Advanced Materials	1947-2935	2.196	1,158	0,00314
54.	Journal of Elastomers and Plastics	0095-2443	527	1,112	0,00047
55.	Green Materials	2049-1220	155	1,111	0,00032
56.	Physicochemical Problems of Mineral Processing	1643-1049	776	1,062	0,00112
57.	Transition Metal Chemistry	0340-4285	2.236	1,016	0,00088
58.	Bio-Medical Materials and Engineering	0959-2989	1.583	0,993	0,00242
59.	Korean Journal of Metals and Materials	1738-8228	509	0,992	0,00070
60.	Chalcogenide Letters	1584-8663	793	0,977	0,00062
61.	Micro & Nano Letters	1750-0443	1.499	0,975	0,00189
62.	Bioinspired Biomimetic and Nanobiomaterials	2045-9858	111	0,973	0,00023
63.	Soft Materials	1539-445X	418	0,973	0,00062
64.	Cellular Polymers	0262-4893	268	0,839	0,00012
65.	Inorganic Materials	0020-1685	3.201	0,771	0,00188
66.	Ferroelectrics	0015-0193	4.859	0,697	0,00255
67.	Inorganic and Nano-Metal Chemistry	2470-1556	197	0,685	0,00029
68.	Polymers & Polymer Composites	0967-3911	696	0,683	0,00080
69.	International Journal of Materials & Product Technology	0268-1900	448	0,674	0,00029
70.	Glass Physics and Chemistry	1087-6596	849	0,672	0,00054
71.	Journal of Superhard Materials	1063-4576	424	0,651	0,00030
72.	Digest Journal of Nanomaterials and Biostructures	1842-3582	1.654	0,638	0,00109
73.	Materials Science-Medziagotyra	1392-1320	645	0,636	0,00058
74.	Journal of Inorganic Materials	1000-324X	1.154	0,635	0,00104

Kèm theo Quyết định số 18 /2020/QĐ-HĐGSNN ngày 30 tháng 6 năm 2020

75.	Glass and Ceramics	0361-7610	761	0,626	0,00045
76.	Main Group Metal Chemistry	0792-1241	176	0,614	0,00006
77.	Glass Technology-European Journal of Glass Science and Technology Part A	1753-3546	375	0,613	0,00012
78.	Journal of Wuhan University of Technology-Materials Science Edition	1000-2413	2.089	0,605	0,00167
79.	Kovove Materialy-Metallic Materials	0023-432X	348	0,593	0,00030
80.	Journal of Nano Research	1662-5250	472	0,589	0,00062
81.	Journal of Optoelectronics and Advanced Materials	1454-4164	2.214	0,588	0,00091
82.	Russian Journal of Physical Chemistry A	0036-0244	3.282	0,581	0,00221
83.	International Journal of Nanotechnology	1475-7435	507	0,578	0,00048
84.	Progress in Rubber Plastics and Recycling Technology	1477-7606	96	0,559	0,00014
85.	Advanced Composites Letters	0963-6935	160	0,556	0,00013
86.	Materials Science	1068-820X	734	0,526	0,00033
87.	Refractories and Industrial Ceramics	1083-4877	513	0,522	0,00037
88.	Science and Technology of Energetic Materials	1347-9466	171	0,510	0,00012
89.	Indian Journal of Chemistry Section A-Inorganic Bio-Inorganic Physical Theoretical & Analytical Chemistry	0376-4710	1.262	0,483	0,00045
90.	High Temperature Materials and Processes	0334-6455	456	0,427	0,00053
91.	Journal of Ceramic Processing Research	1229-9162	951	0,386	0,00075
92.	Powder Metallurgy and Metal Ceramics	1068-1302	774	0,381	0,00038
93.	AATCC Review	1532-8813	161	0,364	0,00004
94.	Emerging Materials Research	2046-0147	138	0,330	0,00013
95.	Advanced Materials & Processes	0882-7958	503	0,290	0,00029
96.	Sampe Journal	0091-1062	182	0,167	0,00006
97.	Materials Performance	0094-1492	378	0,153	0,00015
98.	Journal of the Chinese Society of Mechanical Engineers	0257-9731	93	0,044	0,00003
99.	CoatingsTech	1547-0083	51	0,040	0,00002
100.	Surface Coatings International	1754-0925	170	0,000	0,00000
101.	Nature Catalysis	2520-1158	644	N/A	0.00001

2. Danh mục tạp chí quốc tế có ảnh hưởng vượt trội (Tổng số tạp chí: 90 - chiếm 23%)

Nº	Full Journal Title	ISSN	Total Cites	Journal Impact Factor	Eigenfactor Score
1.	Nature Reviews Materials	2058-8437	7.901	74,449	0,03387
2.	Nature Energy	2058-7546	11.113	54,000	0,04063
3.	Nature Materials	1476-1122	97.792	38,887	0,17738
4.	Nature Nanotechnology	1748-3387	63.245	33,407	0,15496
5.	Advanced Materials	0935-9648	229.186	25,809	0,40939
6.	Advanced Energy Materials	1614-6832	50.724	25,809	0,12060
7.	Materials Today	1369-7021	12.566	24,372	0,01883
8.	Progress in Materials Science	0079-6425	14.580	23,725	0,01682
9.	Materials Science & Engineering R-Reports	0927-796X	7.206	22,250	0,00625
10.	International Materials Reviews	0950-6608	5.262	21,086	0,00496
11.	Annual Review of Materials Research	1531-7331	8.086	16,816	0,00783
12.	Nano Today	1748-0132	7.980	16,582	0,01295
13.	Advanced Science	2198-3844	8.129	15,804	0,02103
14.	Advanced Functional Materials	1616-301X	95.431	15,621	0,17597
15.	Nano Energy	2211-2855	3.7106	15,548	0,08725
16.	Surface Science Reports	0167-5729	4.655	14,824	0,00247
17.	Materials Horizons	2051-6347	4.587	14,356	0,01371
18.	Applied Catalysis B-Environmental	0926-3373	74.797	14,229	0,09229
19.	ACS Nano	1936-0851	152.659	13,903	0,32571
20.	Nano Letters	1530-6984	163.570	12,279	0,30062
21.	ACS Catalysis	2155-5435	55.465	12,221	0,14081
22.	Small	1613-6810	49.968	10,856	0,09145
23.	Journal of Materials Chemistry A	2050-7488	126.338	10,733	0,29519
24.	Biomaterials	0142-9612	109.384	10,273	0,10216
25.	Chemistry of Materials	0897-4756	106.568	10,159	0,15026
26.	Green Chemistry	1463-9262	41.125	9,405	0,06544
27.	Nanoscale Horizons	2055-6756	888	9,095	0,00234
28.	Nano-Micro Letters	2311-6706	2.209	9,043	0,00359
29.	Nano Research	1998-0124	16.517	8,515	0,03181
30.	ACS Applied Materials & Interfaces	1944-8244	170.096	8,456	0,36636
31.	Current Opinion in Solid State & Materials Science	1359-0286	3.955	8,418	0,00470

Kèm theo Quyết định số 18 /2020/QĐ-HĐGSNN ngày 30 tháng 6 năm 2020

32.	Advances in Colloid and Interface Science	0001-8686	14.094	8,243	0,01397
33.	NPG Asia Materials	1884-4049	4.387	8,052	0,01109
34.	Applied Materials Today	2352-9407	1.608	8,013	0,00347
35.	ChemSusChem	1864-5631	24.207	7,804	0,04566
36.	Journal of Catalysis	0021-9517	47.618	7,723	0,03318
37.	Journal of Power Sources	0378-7753	116.432	7,467	0,13451
38.	Carbon	0008-6223	74.892	7,466	0,08522
39.	Materials Research Letters	2166-3831	1.564	7,440	0,00523
40.	2D Materials	2053-1583	5.487	7,343	0,02281
41.	Journal of Physical Chemistry Letters	1948-7185	45.404	7,329	0,12434
42.	Acta Materialia	1359-6454	73.990	7,293	0,09091
43.	Nanoscale	2040-3364	92.732	6,970	0,20804
44.	Journal of Materials Chemistry C	2050-7526	40.067	6,641	0,09744
45.	Acta Biomaterialia	1742-7061	34.157	6,638	0,05015
46.	Sensors and Actuators B-Chemical	0925-4005	82.189	6,393	0,08897
47.	Corrosion Science	0010-938X	37.952	6,355	0,02872
48.	Composites Science and Technology	0266-3538	33.219	6,309	0,02275
49.	Composites Part A-Applied Science and Manufacturing	1359-835X	23.757	6,282	0,02226
50.	International Journal of Plasticity	0749-6419	11.299	5,800	0,01367
51.	Cement and Concrete Research	0008-8846	34.278	5,618	0,01625
52.	Advanced Synthesis & Catalysis	1615-4150	24.026	5,451	0,03370
53.	Advanced Materials Technologies	2365-709X	1.429	5,395	0,00338
54.	Electrochimica Acta	0013-4686	103.577	5,383	0,12059
55.	Biomaterials Science	2047-4830	4.345	5,251	0,01084
56.	Cement & Concrete Composites	0958-9465	14.951	5,172	0,01436
57.	Applied Surface Science	0169-4332	92.186	5,155	0,10890
58.	Journal of Materials Chemistry B	2050-750X	21.758	5,047	0,05079
59.	Journal of Materials Science & Technology	1005-0302	6.753	5,040	0,00908
60.	Journal of Sandwich Structures & Materials	1099-6362	1.243	5,015	0,00200
61.	Materials Science & Engineering C-Materials for Biological Applications	0928-4931	29.043	4,959	0,04621
62.	Composite Structures	0263-8223	35.620	4,829	0,04971
63.	IUCrJ	2052-2525	1.363	4,756	0,00643
64.	MRS Bulletin	0883-7694	7.862	4,655	0,01025
65.	Scripta Materialia	1359-6462	33.032	4,539	0,03368

Kèm theo Quyết định số 18 /2020/QĐ-HĐGSNN ngày 30 tháng 6 năm 2020

66.	Journal of Magnesium and Alloys	2213-9567	952	4,523	0,00236
67.	ACS Biomaterials Science & Engineering	2373-9878	3.803	4,511	0,00948
68.	APL Materials	2166-532X	4.061	4,296	0,01477
69.	Particle & Particle Systems Characterization	0934-0866	3.379	4,194	0,00639
70.	Journal of Materials Processing Technology	0924-0136	33.606	4,178	0,02113
71.	Journal of Alloys and Compounds	0925-8388	102.817	4,175	0,13176
72.	Crystal Growth & Design	1528-7483	29.940	4,153	0,03786
73.	Materials Science and Engineering A-Structural Materials Properties Microstructure and Processing	0921-5093	79.492	4,081	0,06581
74.	Extreme Mechanics Letters	2352-4316	1.439	4,075	0,00589
75.	Nanomaterials	2079-4991	4.955	4,034	0,00839
76.	Journal of the European Ceramic Society	0955-2219	25.790	4,029	0,02288
77.	Communication In Nonlinear Science and Numerical Simulation	1007-5704	11.888	3,967	0,01950
78.	Steel and Composite Structures	1229-9367	3.566	3,899	0,00462
79.	International Journal of Fatigue	0142-1123	13.715	3,673	0,01432
80.	Hydrometallurgy	0304-386X	11.776	3,465	0,00814
81.	Ceramics International	0272-8842	46.425	3,450	0,06493
82.	Intermetallics	0966-9795	10.599	3,353	0,01041
83.	Journal of Materials Research and Technology (JMR&T)	2238-7854	1.327	3,327	0,00242
84.	Materials Characterization	1044-5803	11.421	3,220	0,01614
85.	Journal of the Electrochemical Society	0013-4651	71.747	3,120	0,05438
86.	Journal of the American Ceramic Society	0002-7820	44.781	3,094	0,02553
87.	Materials Letters	0167-577X	46.192	3,019	0,04907
88.	Mechanics of Materials	0167-6636	7.353	2,958	0,00825
89.	Journal of Thermal Stresses	0149-5739	2.475	2,943	0,00231
90.	Engineering Fracture Mechanics	0013-7944	15.598	2,908	0,01368